

Số: 4380/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2611/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông TMP- Sinh năm: 1989

Địa chỉ: 706 TL7, PA, PT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà NTPD - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 961 PVD, phường LT, TPTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/11/2022, ông TMP và bà NTPD đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông TMP và bà NTPD thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông TMP và bà NTPD cùng tự khai không có.
- Về tài sản chung: Ông TMP và bà NTPD cùng tự khai tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Ông TMP và bà NTPD cùng tự khai không có.

Ngoài ra, ông TMP và bà NTPD không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông TMP và bà NTPD tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông P và bà D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2022/0006405 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông TMP và bà NTPD đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3. Giấy chứng nhận kết hôn số 05** do Ủy ban nhân dân TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2021 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- UBND P.LT, TP.Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Hải Quỳnh Anh**

